

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 31

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún nghêu, thịt heo, cà chua, củ cải, giá, hẹ lá, tỏi phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào thơm, hành tây, dưa leo, hành baro
- Canh khoai môn nấu tôm khô, húng quế
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Nui sò nấu thịt gà, cà rốt, bông cải xanh, cải thảo, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0653	Bún khô	300	4,950	14,850
9	N0819	Thịt nghêu	500	6,830	34,150
10	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,800	75,200
11	0087	Cà chua	300	7,350	22,050
12	0103	Củ cải trắng	200	3,050	6,100
13	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
14	0124	Hẹ lá	50	4,830	2,415
15	0286	Thịt bò loại II	1,000	37,280	372,800
16	0226	Khóm (Dứa ta)	500	2,940	14,700
17	0121	Hành tây	100	3,680	3,680
18	0109	Dưa leo (dưa chuột)	200	4,200	8,400
19	0033	Khoai môn	900	7,250	65,250
20	0426	Tôm khô	50	79,870	39,935
21	N0846	Rau é (húng quế trắng)	50	11,030	5,515
22	0750	Nui	400	3,300	13,200
23	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
24	0089	Cà rốt	200	5,990	11,980
25	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	7,350	7,350
26	0191	Cải thảo	100	3,990	3,990

27	0457	Sữa bột toàn phần	648.8	20,500	133,004
28	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	992	14,750	146,320
29	0186	Tôi tây (cà lá)	100	8,610	8,610
Tổng cộng					1,146,999

Tổng tiền thực phẩm	1,146,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,147,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	10,693,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	10,692,993

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Trần Thị Khánh Ly

Ngô Thị Ngọc Lan